TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày: 15-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh - Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh: Ông Đặng Văn Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2023/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Lâm H M, sinh ngày 16/01/1967; nơi sinh: Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Lâm Thị H Đ, sinh năm 1941 (đã chết); anh chị em ruột: 03 người, kể cả bị cáo (Lớn nhất là bị cáo; nhỏ nhất sinh năm 1970); Chồng: Phan Văn L, sinh năm 1971; con: 02 người (Lớn nhất sinh năm 1993; nhỏ nhất sinh năm 2002); tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/3/2023 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

- *Bị hại:*

Bà Trần Thị K, sinh năm 1956 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1953 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

Anh Lâm Văn C, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 26/10/2022, vợ chồng bà Trần Thị K và ông Nguyễn Quốc V ngụ Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh đến nhà bà Đinh Thị Đ ngụ ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh chơi. Tại đây, do chiếc vòng đeo tay của bà K bị sứt phần đá và phần kim loại màu vàng nên bà K nhờ con bà Đ là anh Lâm Văn C lấy keo dán lại và đem phơi trên tấm bạc màu đen trước sân nhà bà Đ.

Đến khoảng 10 giờ 10 phút cùng ngày, bị cáo Trần Lâm H M điều khiển xe đạp dựng phía trước đường mòn vào nhà bà Đ rồi bị cáo đi vào trong nhà bà Đ bán vé số. Sau khi bán vé số xong, bị cáo đi ra thì phát hiện trên sân có tấm bạc màu đen có để 01 (một) chiếc vòng đeo tay màu xanh, trên chiếc vòng có gắn 03 (ba) đoạn kim loại màu vàng nên nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó, bị cáo quan sát xung quanh không có ai, lén lút lấy trộm chiếc vòng bỏ vào rỗ xe đạp phía trước rồi điều khiển xe đạp đi được một đoạn cách nhà bà Đ khoảng 400 mét thì dừng lại, bị cáo cầm chiếc vòng đến gần mương nước, nhặt cục đá ven đường để đập chiếc vòng đeo tay nhằm lấy phần kim loại màu vàng, vì bị cáo nghĩ phần chiếc vòng màu xanh không có giá trị. Trong quá trình đập chiếc vòng, bị cáo làm mất 01 (một) đoạn đá màu xanh, lấy được 02 (hai) đoạn kim loại màu vàng, cất giấu vào túi quần đang mặc, còn 02 (hai) đoạn đá màu xanh, mỗi đoạn dính vào một đoạn kim loại, màu vàng, bị cáo bỏ vào túi nylon màu đen chung với 01 (một) trái dừa khô để trong rỗ xe đạp. Sau đó bị cáo tiếp tục điều khiển xe đi bán vé số.

Đến khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, bà K kêu ông V ra sân lấy chiếc vòng thì phát hiện bị mất, do nghi ngờ bị cáo lấy trộm nên ông V chở bà K đi tìm bị cáo. Khi đến đoạn đường nhựa thuộc ấp Đ, xã T thì gặp bị cáo nên bà K yêu cầu bị cáo dừng xe lại và hỏi bị cáo có lấy chiếc vòng phơi trên sân nhà bà Đ không thì bị cáo trả lời không có lấy nên bà K kiểm tra thì phát hiện trong bịch nylon trong rỗ xe đạp có 02 (hai) đoạn đá màu xanh, mỗi đoạn dính vào một đoạn kim loại, màu vàng và bị cáo trả lại cho bà K 02 (hai) đoạn kim loại màu vàng, cất giấu vào túi quần. Đồng thời, bà K giữ bị cáo lại và trình báo Công an xã T để xác minh làm rõ. Qua làm việc, bị cáo Trần Lâm H M đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bà K như đã nêu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị nguyên chiếc vòng tay có đá màu xanh tổng khối lượng 12,8209 gam được bọc kim loại vàng 18kara, tổng khối lượng 3,5897 gam, thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au) 67,35%, Bạc (Ag) 11,75%, Đồng (Cu) 20,60%, theo giá thị trường tại thời điểm ngày 26/10/2022, có giá là 3.946.500 đồng, chi phí gia công 450.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 4.396.500 đồng.

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKS-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Lâm H M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay qua tranh luận công khai, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, luận tội, kết luận bị cáo Trần Lâm H M phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 tuyên bố bị cáo Trần Lâm H M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Đề nghị giao bị cáo Trần Lâm H M cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại tài sản cho bị hại theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) chiếc xe đạp, nhãn hiệu Hitasa, màu xanh của bị cáo dùng để bán vé số, không sử dụng làm phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Lâm H M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Lâm H M thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, không tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Lâm H M: Bị cáo đã ăn hối lỗi về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi và tội danh của bị cáo Trần Lâm H M: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Lâm H M thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, thừa nhận bị cáo lấy trộm 01 (một) chiếc vòng đeo tay màu xanh, trên chiếc vòng có gắn 03 (ba) đoạn kim loại màu vàng của bà Đ, không khiếu nại đối với kết luận định giá tài sản số 01 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 26/10/2022 bị cáo M có hành vi lén lúc lấy trộm 01 (một) chiếc vòng đeo tay màu xanh, trên chiếc vòng có gắn 03 (ba) đoạn kim loại màu vàng của bị hại Trần Thị K. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định của Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đánh giá nội dung vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo, kết luận và đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Lâm H M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, không oan sai đối với bị cáo.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho mọi người trong việc quản lý tài sản. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Trần Lâm H M có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự,

đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi phạm tội gây ra.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Lâm H M:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ. Do bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T cũng đủ để giáo dục bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bị hại theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) chiếc xe đạp, nhãn hiệu Hitasa, màu xanh của bị cáo dùng để bán vé số, không sử dụng làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Lâm H M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Lâm H M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Lâm H M 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Lâm H M cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi Hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại tài sản cho bị hại theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Lâm H M 01 (Một) chiếc xe đạp nhãn hiệu Hitasa màu xanh.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Lâm H M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh
- VKSND h. T;
- Công an h. T;
- Cơ quan THAHS Công an h. T;
- CC.THADS h. T;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hs.

Đã ký